

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2442/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 25 tháng 12 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường khoa Tài chính – Ngân hàng và Trưởng phòng Quản lý khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu, ngành Tài chính – Ngân hàng, mã ngành 8340201.

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng, thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

Điều 3. Trường phòng Quản lý khoa học, Trường khoa Tài chính – Ngân hàng và Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLKH.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2442/QĐ-ĐHTCM, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình (tiếng Việt): **TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**

Tên chương trình (tiếng Anh): Finance – Banking

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Tài chính-Ngân hàng;

Mã ngành: 8340201

Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng nghiên cứu là trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và phương pháp nghiên cứu hiện đại để có khả năng nghiên cứu độc lập và dẫn dắt chuyên môn thuộc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Sau khi học xong, người học có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách cho các cơ quan chính phủ hoặc tổ chức thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Về kiến thức	
PO1	Cung cấp phương pháp luận khoa học, những kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng.
PO2	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
Về kỹ năng	
PO3	Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về tài chính ngân hàng để phát hiện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
PO4	Trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghiên cứu độc lập, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PO5	Hoạch định các chính sách, chiến lược trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Có kỹ năng trong việc truyền đạt tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PO6	Tôn trọng đạo đức khoa học và có trách nhiệm nghề nghiệp cũng như trách nhiệm chuyên môn, có tinh thần học tập suốt đời.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Sau khi tốt nghiệp Chương trình thạc sĩ TC-NH theo định hướng nghiên cứu, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau đây:

- Nhóm 1: Nhà hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô/vi mô có liên quan đến ngành TC-NH

- Nhóm 2: Các nhà nghiên cứu, các giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành kinh tế;

- Nhóm 3: Giám đốc tài chính (CFO), Giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp- ngân hàng, tập đoàn trong và ngoài nước, các chuyên gia tư vấn lĩnh vực TC-NH cho các doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

Về kiến thức	
PLO1	Đánh giá được các thông tin, kiến thức một cách có tư duy, logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO2	Phân tích được các lý thuyết tài chính, ngân hàng để phát hiện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong thực tiễn và nghiên cứu.
PLO3	Đánh giá được các lý thuyết tài chính, ngân hàng chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tiễn và nghiên cứu của chuyên ngành.
PLO4	Sáng tạo trong nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tiễn, đưa ra các giải pháp phù hợp trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
Về kỹ năng	
PLO5	Phân tích phản biện và đưa ra những giải pháp toàn diện đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

PLO6	Tổ chức, hướng dẫn, quản trị, nghiên cứu được các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các định chế tài chính.
PLO7	Phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO8	Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng vận dụng tiếng Anh, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc và nghiên cứu độc lập.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PLO9	Có năng lực dân dốt chuyên môn, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn và nghiên cứu trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
PLO10	Có khả năng tự học hỏi, tự nghiên cứu, tự định hướng, tự thích nghi và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tập tối đa: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo:

Theo Quy chế Đào tạo trình độ thạc sỹ (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ Thạc sỹ của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2 Địa điểm đào tạo:

1. Địa điểm đào tạo là các cơ sở đào tạo hoặc phân hiệu của Trường.
2. Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.
3. Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.
4. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục

và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

6.4 Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu; luận văn đã hoàn tất việc nộp hồ sơ sau bảo vệ;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Hoàn thành các trách nhiệm khác theo quy định của Trường, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

7. TUYỂN SINH:

7.1 Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ BGD&ĐT đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính-Marketing.

7.2 Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên.
- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:
 - + Kinh tế học;
 - + Tài chính tiền tệ,

7.3 Chuẩn đầu vào:

a. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành TC-NH từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học của người dự tuyển liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu bao gồm bài báo trên tạp chí khoa học; tham luận được đăng trong kỷ yếu hội thảo đã xuất bản; đề tài, đề án khoa học từ cấp cơ sở trở lên... trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự tuyển.
 - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành TC-NH và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).
 - Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành TC-NH và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với Chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).
- b. Yêu cầu thâm niên công tác : Không*

c. *Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ* : được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

7.4 Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương

trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b. Sinh viên trường đại học Tài chính- Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ.

c. Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sĩ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- + Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sĩ của trường;
- + Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;
- + Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

7.5 Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

7.3.1 Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành khác

Ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý bao gồm các ngành về chức năng quản trị, quản lý; các ngành về lĩnh vực quản trị, quản lý; các ngành về công cụ quản trị, quản lý. Ngành liên quan trực tiếp bao gồm:

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

7.3.2 Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Ngành gần: bổ sung kiến thức 2 môn:

+ Kinh tế học (3TC)

+ Tài chính tiền tệ (2TC) Ngành khác 4 môn:

+ Kinh tế học (3TC)

+ Tài chính tiền tệ (2TC)

+ Tài chính doanh nghiệp (2TC)

+ Nguyên lý kế toán (2TC)

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM :

Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, lấy điểm lẻ đến 0,5 điểm. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 5,5 trở lên (điểm đánh giá từ mức C trở lên). Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

9.1 Kiến thức chung: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	POL50001	Triết học (Philosophy)	4	60		
2	POL50002	Phương pháp NCĐL 1	3	45		
3	POL50003	Phương pháp NCĐL 2	3	45		
		Tổng	10	145		

9.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 36 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
Kiến thức bắt buộc: 18TC						
4	FBM11092	Quản trị tài chính hiện đại	3	45		

5	FBM11076	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	3	45		
6	FBM11101	Tài chính quốc tế nâng cao	3	45		
7	FBM112011	Quản trị rủi ro các định chế tài chính.	3	45		
8	FBM11131	Quản trị ngân hàng hiện đại.	3	45		
9	FBM11151	Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp	3	45		
		Tổng	18	360		
Kiến thức chuyên ngành tự chọn: 18 TC (Học viên chọn 6 học phần trong 9 học phần của mỗi chuyên ngành sau)						
10	FBM11121	Quản trị danh mục đầu tư	3	45		Học phần thuộc chuyên ngành TCNH
11	FBM11122	Mua bán sáp nhập	3	45		
12	FBM11201	Tài chính hành vi	3	45		
13	FBM1151	Ngân hàng số nâng cao	3	45		
14	FBM1131	Quản trị rủi ro tài chính	3	45		
15	FBM1132	Chiến lược tài chính công ty	3	45		
16	FBM1133	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3	45		
17	FBM1134	Tài chính khởi nghiệp	3	45		
18	FBM1135	Blockchain and Cryptofinance	3	45		
19	FBM1136	Quản trị và giám sát khu vực công	3	45		Học phần thuộc chuyên ngành TCC
20	FBM11137	Tài chính công nâng cao	3	45		
21	FBM11138	Thẩm định đầu tư công (ĐH: thẩm định đầu tư đối với DA công)	3	45		
22	FBM11139	Quản lý chi tiêu công	3	45		

23	FBM11051	Tài chính công: nghiên cứu điển hình	3	45		
24	FBM11195	Phân tích chính sách thuế nâng cao	3	45		
25	FBM11196	Phân tích chính sách công	3	45		
26	FBM11197	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	45		
27	FBM11198	Kiểm toán công	3	45		
		Tổng	18	270		

9.3. Luận văn: 14 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
28	FBM1125	Luận văn	14			
		Tổng	14			

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Triết học	4	
2	Phương pháp NCĐL 1	3	
3	Quản trị tài chính hiện đại	3	
4	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa	3	
	TỔNG	13	

Học kỳ 2

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	
2	Quản trị rủi ro các định chế tài chính	3	
3	Tài chính quốc tế	3	
4	Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp	3	
5	Phương pháp nghiên cứu định lượng 2	3	
	TỔNG	15	

Học kỳ 3 – Tự chọn nhóm 1 chuyên ngành TCNH (chọn 6 trong 9 HP)

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị danh mục đầu tư	3	
2	Ngân hàng số nâng cao	3	
3	Mua bán và sáp nhập	3	
4	Quản trị rủi ro tài chính	3	
5	Tài chính hành vi	3	
6	Chiến lược tài chính công ty	3	
7	Tài chính khởi nghiệp	3	
8	Blockchain and Cryptofinance	3	
9	Ngân hàng đầu tư nâng cao	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 3 – Tự chọn nhóm thứ 2 (Chuyên ngành Tài chính công) chọn 6 trong 9 HP

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Quản trị và giám sát khu vực công	3	
2	Tài chính công nâng cao	3	
3	Thẩm định đầu tư công	3	
4	Quản lý chi tiêu công	3	
5	Chính sách công: nghiên cứu điển hình	3	
6	Phân tích chính sách thuế	3	
7	Phân tích chính sách công	3	
8	Quản lý tài chính các đơn vị công	3	
9	Kiểm toán công	3	
	TỔNG	18	

Học kỳ 4

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Luận văn tốt nghiệp	14	
	TỔNG	14	

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

11.1 Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Học viên sau khi trúng tuyển sẽ tham gia các lớp học phần theo từng học kỳ theo thông báo của Khoa Sau đại học. Trong hai học kỳ đầu, học viên sẽ học chung các học phần. Đến học kỳ 3 học viên sẽ được phân theo từng lớp theo định hướng chuyên ngành mà học viên đã đăng ký.

- Nhà trường trang bị phương tiện hiện đại hỗ trợ cho việc giảng dạy bằng giáo án điện tử, và các phòng thực hành cho sinh viên như: phòng thảo luận seminar, phòng báo cáo đề tài nhóm. Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản

lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp theo TT23/2021.

- Viện đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chương trình học phần. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng qui chế của Bộ giáo dục và Đào tạo và của Trường.

11.2 Phương pháp đào tạo.

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự nghiên cứu của học viên, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của học viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm. Chú trọng đến kỹ năng liên quan đến thực tiễn các học phần chuyên ngành.

- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:

✓ Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị học viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.

✓ Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế, học viên viết bài thu hoạch về doanh nghiệp.

✓ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ, đề tài nghiên cứu khoa học

12. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

• Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1	Hồ Thủy Tiên	PGS.TS	Tài chính quốc tế Chiến lược Tài chính công ty
2	Phạm Tiến Đạt	PGS.TS	Quản trị tài chính hiện đại
3	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS	Tài chính hành vi Tài chính khởi nghiệp
4	Phan Thị Hằng Nga	PGS.TS	Ngân hàng số nâng cao Quản trị ngân hàng hiện đại
5	Trần Huy Hoàng	PGS.TS	PTCSTTTK Quản trị ngân hàng hiện đại
6	Lê Trung Đạo	TS	Phân tích chính sách thuế

7	Bùi Hữu Phước	TS	Quản trị tài chính hiện đại Quản trị rủi ro tài chính
8	Phạm Quốc Việt	TS	Mua bán sáp nhập Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp.
9	Nguyễn Văn Thuận	TS	QL chi tiêu công.
10	Trần Thị Kim Oanh	TS	QLDMĐT Quản trị rủi ro phi ngân hàng
11	Hồ Thị Lam	TS	QTRR tài chính
12	Nguyễn Quang Minh	TS	Quản trị tài chính hiện đại Chiến lược tài chính công ty
14	Lê Thị Thúy Hằng	TS	Quản trị rủi ro các định chế tài chính Ngân hàng đầu tư
15	Nguyễn Văn Bồn	TS	PTCSTTTK Blockchain and Cryptofinance
16	Trần Thị Thanh Nga	TS	PTCSTTTK
17	Nguyễn Huy Hoàng	TS	Phương pháp nghiên cứu định lượng 1, 2
18	Phạm Lê Quang	TS	Triết học
19	Nguyễn Tấn Hưng	TS	Triết học
20	Trần Thị Diễm	TS	Tài chính khởi nghiệp

• **Danh sách giảng viên thỉnh giảng:**

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1	Nguyễn Hồng Thắng	PGS.TS	Hoạch định thuế Quản lý đầu tư công
2	Nguyễn Viết Bằng	TS	Quản lý thuế XNK
3	Diệp Gia Luật	PGS.TS	Quản lý NS và các quỹ ngoài NS
4	Nguyễn Đức Thanh	TS	Quản lý kho bạc

5	Lê Đạt Chí	TS	Blockchain and Cryptofinance
6	Trần Thị Hải Lý	PGS.TS	Quản trị RR tài chính
7	Nguyễn Ngọc Hùng	PGS.TS	Phân tích chính sách công
8	Nguyễn Thanh Dương	TS	Quản lý kho bạc
9	Trần Đình Phụng	TS	Kiểm tra sau thông quan,
10	Nguyễn Ngọc Ảnh	TS	TCC nâng cao
11	Lê quang Cường	TS	Đạo đức thuế
12	Lê Xuân Quang	TS	Quản lý nợ công
13	Phan Hiền Minh	TS	Quản lý thuế

13. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VỚI CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	TÊN HP	MÃ HP	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO									
			Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
I. KIẾN THỨC CHUNG												
1	Triết học (Philosophy)		R				R					
2	Phương pháp NCDL 1		R				R					
3	Phương pháp NCDL 2		M				M					
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH												
1	Quản trị tài chính hiện đại		M				M		M		M	
2	Phân tích chính sách tiền tệ và tài khóa		M				M		M		M	
3	Quản trị NH hiện đại		M				M		M		M	

4	Quản trị rủi ro các định chế tài chính		M				M		M		M	
5	Tài chính quốc tế nâng cao		M				M		M		M	
6	Phân tích báo cáo tài chính và Định giá doanh nghiệp		M				M		M		M	

III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

Chuyên ngành TCNH

1	Quản trị danh mục đầu tư				A			A		A		A
2	Tài chính hành vi				A			M		M		M
3	Mua bán và sáp nhập				A			M		M		M
4	Ngân hàng số				A			M		M		M
5	Quản trị rủi ro tài chính				A			M		M		M
6	Chiến lược tài chính công ty				A			M		M		M
7	Ngân hàng đầu tư				A			M		M		M
8	Blockchain and Cryptofinance				M			M		M		M
9	Tài chính khởi nghiệp				M			M		M		M
10	Luận văn tốt nghiệp		M	A	A	M	M	M	M	M	M	M

Chuyên ngành Tài chính công

1	Quản trị và giám sát khu vực công				A			A		A		A
2	Tài chính công nâng cao				A			M		M		M
3	Thẩm định đầu tư công				A			M		M		M
4	Quản lý chi tiêu công				A			M		M		M
5	Tài chính công: nghiên cứu điển hình				A			M		M		M
6	Phân tích chính sách thuế				A			M		M		M
7	Phân tích chính sách công				A			M		M		M

8	Quản lý tài chính các đơn vị công				A			M		M		M
9	Kiểm toán công				A			M		M		M
10	Luận văn tốt nghiệp		M	A	A	M	M	M	M	M	M	M

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể nhursau:

I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

14. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

14.1 Triết học

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh, kinh tế; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành Kinh tế ở trình độ sau đại học.

- Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Mục tiêu cụ thể

- ❖ **Kiến thức :** Củng cố và nâng cao tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các kinh tế, tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh;

- ❖ **Kỹ năng :** Kỹ năng phân tích, so sánh đánh giá để thấy được sự đúng đắn, tính khoa học và cách mạng của triết học Mác -Lênin so với các trường phái triết học khác

Kỹ năng phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Vận dụng lý luận triết học để tích cực phát hiện và

đưa ra những giải pháp phát triển các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, phục vụ đường lối kinh tế của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Thấy được Đảng ta đã vận dụng đúng đắn các nguyên lý của triết học Mác - Lênin vào hoàn cảnh cách mạng Việt Nam

Dựa trên các nguyên lý triết học để giải thích khoa học, có thái độ đúng đắn và các giải pháp phù hợp với các vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội Việt Nam

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

14.2 Phương pháp nghiên cứu định lượng 1

a) Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

- Hiểu rõ các khái niệm và phương pháp luận về kinh tế lượng, và phân loại và đánh giá về bộ dữ liệu.
- Ước lượng các hệ số hồi quy và kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy.
- Phát hiện và xử lý các hiện tượng vi phạm các giả định hồi quy như đa cộng tuyến, phương sai thay đổi, tự tương quan, và một số sai lỗi khi lựa chọn mô hình.
- Ước lượng, kiểm định biến giả và ứng dụng biến giả trong các mô hình hồi quy khác nhau.
- Ước lượng các mô hình kinh tế lượng động như các mô hình có biến trễ phân phối và mô hình tự hồi quy.
- Ước lượng mô hình đồng thời
- Thực hành các bài toán kinh tế lượng căn bản sử dụng Eviews.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R).

14.3 Phương pháp nghiên cứu định lượng 2

a) Mục tiêu học phần

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

- Hiểu rõ các khái niệm và phương pháp luận về kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính, và phân loại được kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và tài chính.
- Ước lượng các biến công cụ, biến nội sinh, khả năng cực đại, và mô hình có biến lệ thuộc bị giới hạn.
- Lập mô hình và dự báo chuỗi thời gian đơn biến và đa biến.
- Lập mô hình các mối quan hệ trong tài chính và các mô hình biến động và hệ số tương quan.
- Ước lượng và phân tích các mô hình chuyển đổi và mô hình dữ liệu bảng.
- Ứng dụng phương pháp mô phỏng trong tài chính

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M).

14.4 Quản trị tài chính hiện đại

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung:

Sau khi học xong môn học này học viên có đủ kiến thức tiếp cận và đánh giá tình hình tài chính của một tổ chức sản xuất kinh doanh, phân tích và ra quyết định quản trị TCDN đồng thời môn học này trang bị cho người học những phương pháp lập kế hoạch tài chính, các kiến thức về tài trợ vốn và phương pháp đánh giá các cơ hội đầu tư. Tiếp cận với các phương pháp tài chính hiện đại về tài trợ vốn; biết đánh giá và phân tích các cơ hội đầu tư bằng hoạch định ngân lưu trong đầu tư dài hạn, phân tích rủi ro trong đầu tư và cuối cùng là phân tích ra quyết định.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- + Hiểu rõ về tài chính doanh nghiệp, phân biệt được khác nhau giữa TCDN và quản trị TCDN.
- + Hiểu rõ mục tiêu quản trị TCDN.
- + Hiểu rõ các quyết định của TCDN và ra các quyết định quản trị TCDN đạt được mục tiêu của quản trị TCDN.
- + Hiểu rõ và tổ chức được hoạt động tài chính của công ty.
- + Xây dựng được chiến lược tài chính để đảm bảo doanh nghiệp tăng trưởng bền vững.
- + Xây dựng được hệ thống kế hoạch tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định và quản trị tăng trưởng bền vững.

❖ Về kỹ năng:

- + Tổ chức được bộ máy quản trị tài chính trong doanh nghiệp.
- + Vận dụng thành thạo các công cụ TCDN để quản trị, vận dụng ứng dụng CNTT để xử lý dữ liệu.
- + Phân tích, đánh giá và quyết định đầu tư cũng như quản trị tài sản của doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu của chủ sở hữu.
- + Phân tích, ra quyết định khai thác và quản trị nguồn tài trợ với chi phí hợp lý.
- + Phân tích, xây dựng chính sách phân phối trong công ty hài hòa với chính sách tài trợ nhằm tăng giá trị công ty.
- + Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng vận dụng thuật ngữ tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp, tự giải quyết vấn đề độc lập

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- + Tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; trách nhiệm công dân.

- + Nhận biết vai trò quan trọng của đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- + Hợp tác, thân thiện, đoàn kết, phát huy trí tuệ tập thể, dám nghĩ dám làm, sáng tạo.
- + Thể hiện được năng lực tự học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7 (M), PLO9(M).

14.5 Phân tích chính sách tiền tệ và tài khoá

a) Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần là trang bị cho người học những kiến thức liên quan đến cơ chế tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá trong điều hành chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước. Sau khi học xong, người học có khả năng phân tích được xu hướng của chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá để vận dụng xử lý các công việc thực tế.

Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

Cung cấp phương pháp luận khoa học, những kiến thức lý thuyết liên quan đến chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá;

Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lý thuyết và thực tiễn liên quan đến chính sách tiền tệ, các kênh truyền dẫn chính sách tiền tệ tác động đến nền kinh tế, Chính sách tài khoá và tác động của chính sách tài khoá đến nền kinh tế.

Về kỹ năng:

Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin liên quan đến chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá tác động đến nền kinh tế, từ đó phát hiện và đề xuất các hàm ý chính sách liên quan;

Trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghiên cứu độc lập, phát hiện, khám phá và phân tích tình huống liên quan đến chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá.

Hoạch định các chính sách, chiến lược liên quan đến chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá và sự phối hợp giữa Chính sách tiền tệ và Chính sách tài khoá trong điều hành kinh tế vĩ mô và phân tích tình huống ở Việt Nam.

Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có năng lực dân dốt chuyên môn, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn và nghiên cứu lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7 (M), PLO9(M).

14.6 Tài chính quốc tế nâng cao

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung

Môn học này trang bị các kiến thức chuyên sâu về công ty đa quốc gia và các lý thuyết trên thị trường tài chính quốc tế để từ đó học viên có khả năng phân tích, đánh giá và dự báo về các chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá của chính phủ các quốc gia và chính phủ Việt Nam nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng, ổn định và hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, môn học cũng trang bị các kiến thức chuyên sâu giúp học viên phân tích và đề xuất các quyết định tài chính quan trọng của công ty đa quốc gia trong môi trường hoạt động quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao, có hệ thống về thị trường tài chính quốc tế, các lý thuyết tài chính quốc tế để giúp học viên sau khi kết thúc học phần có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để độc lập xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến các hoạt động tài chính quốc tế của các công ty nội địa hoặc các công ty đa quốc gia ở Việt Nam và trên thế giới. Bên cạnh đó, với kiến thức được trang bị học viên có thể phân tích, đánh giá và dự báo chính sách tỷ giá của chính phủ Việt Nam khi có những thay đổi trong chính sách của các nước.

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

-Hiểu và phân tích được tổ chức hoạt động tài chính của công ty đa quốc gia trong môi trường tài chính quốc tế.

-Phân tích cán cân thanh toán quốc tế và các yếu tố tác động đến CCTK vãng lai và CCTK tài chính. Kiểm định các yếu tố này lên CCTM trường hợp Việt nam và các nước

-Phân tích và đề xuất các chiến lược vận dụng các phái sinh tiền tệ trong phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong DN.

-Có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết TCQT, Phân tích cách thức kiểm định 3 lý thuyết quan trọng trên thị trường TCQT

-Phân tích được cách thức tác động của chính phủ đến tỷ giá và việc điều hành tỷ giá đã ảnh hưởng đến tăng trưởng và hội nhập kinh tế và khủng hoảng tài chính tại các quốc gia và có thể đưa ra hàm ý chính sách.

-Phân tích và vận dụng tốt lý thuyết bất khả thi để đề xuất các lựa chọn chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế Việt Nam

-Phân tích và đưa ra các quyết định tài chính quan trọng trong công ty đa quốc gia.

❖ Về kỹ năng:

-Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn

đề tài chính quốc tế vĩ mô, đặc biệt là thay đổi của chính sách tỷ giá, chính sách lãi suất của các quốc gia đã tác động đến điều hành các chính sách của chính phủ VN

-Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các khía cạnh của tài chính quốc tế, từ đó học viên có thể vận dụng để ứng dụng và kiểm định tại thực tế của thị trường Việt Nam đồng thời phát hiện những điểm bất hợp lý trong chính sách điều hành của chính phủ và đề xuất hướng xử lý phù hợp với thực tiễn của kinh tế Việt Nam.

-Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về TCQT với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.

-Có kỹ năng đọc, phân tích các bài báo quốc tế có liên quan đến môn học và vận dụng để kiểm định trên thị trường tài chính ở VN và 1 số quốc gia.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

-Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCQT

-Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực TCQT; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;

-Nhận thức được trách nhiệm xã hội của các công ty đa quốc gia một cách đúng đắn để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp và kinh tế bền vững.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7 (M), PLO9(M).

14.7 Quản trị ngân hàng hiện đại

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung

- Mô tả và giải thích được hoạt động quản trị của ngân hàng hiện đại cơ sở kế thừa các kiến thức ở bậc đại học, bổ sung thêm những nội dung mới và cập nhật những kiến thức cao cấp chưa được giảng dạy ở bậc đại học. Học viên hiểu được hoạt động ngân hàng hiện đại trong điều kiện rủi ro có tính đa dạng, phức tạp hơn. Am hiểu được các chuẩn mực quốc tế về quản trị trong kinh doanh ngân hàng.

- Người học phân tích được các phương pháp quản trị về mặt kỹ thuật như quản trị vốn tự có, quản trị tài sản –nợ, quản trị thanh khoản, quản trị tín dụng và đầu tư của các NHTM và TCTD.

Mục tiêu cụ thể

❖ ***Kiến thức :***

- Mô tả và giải thích được hoạt động kinh doanh của ngân hàng hiện đại và vận

dụng được chuẩn mực quốc tế trong quản trị kinh doanh ngân hàng.

- Phân tích và vận dụng được quản trị vốn tự có và sự an toàn ngân hàng hiện đại.
- Vận dụng lý thuyết vào quản trị tín dụng, quản trị tài sản-nợ, quản trị thanh khoản
- Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch quản trị rủi ro thị trường, quản trị rủi ro hoạt động và quản trị kết quả kinh doanh ngân hàng hiện đại.

❖ *Kỹ năng :*

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về các báo cáo tài chính ngân hàng hiện đại.
- Có sáng kiến cải tiến và thử nghiệm kiến thức mới trong hoạt động ngân hàng hiện đại.
- Có kỹ năng thảo luận các vấn đề liên quan hoạt động quản trị ngân hàng hiện đại với nhà chuyên môn và khoa học hoặc với người cùng ngành tài chính ngân hàng.

❖ *Mức tự chủ và trách nhiệm:*

- Thích nghi với môi trường công việc, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- Có tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ đúng các quy trình quy định trong tác nghiệp.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.8 Quản trị rủi ro các định chế tài chính

a) Mục tiêu học phần:

Mục tiêu chung

- Sau khi học xong học phần này người học sẽ được cung cấp kiến thức nâng cao về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh các định chế tài chính. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các hoạt động các định chế tài chính như rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro công nghệ và rủi ro hoạt động.

Mục tiêu cụ thể

❖ *Kiến thức :*

- Mô tả được hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính và tổng quan về quản trị rủi ro các định chế tài chính.
- Phân tích được các rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và ngoại hối, rủi ro thị

trường, rủi ro công nghệ và hoạt động.

- Vận dụng được lý thuyết vào hoạt động quản trị thanh khoản.
- Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch bán khoản cho vay.

❖ *Kỹ năng :*

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về các báo cáo định chế tài chính.
- Có sáng kiến cải tiến và thử nghiệm kiến thức mới trong hoạt động quản lý rủi ro cho các định chế tài chính
- Có kỹ năng thảo luận các vấn đề liên quan hoạt động quản trị rủi ro các định chế tài chính với nhà chuyên môn và khoa học.

❖ *Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- Có khả năng nghiên cứu trong việc quản trị rủi ro hoạt động các định chế tài chính.
- Có tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, tuân thủ đúng các quy trình quy định trong tác nghiệp.

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO13(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.9 Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp

a) Mục tiêu của học phần:

❖ **Kiến thức:**

+CO1: Minh chứng và giải thích một khung phân tích chu đáo và kỹ lưỡng cho phân tích báo cáo tài chính và định giá bao gồm nhiều bước cụ thể.

+CO2: Phân tích hiệu quả các báo cáo tài chính : các đặc điểm kinh tế và điều kiện hiện tại của các ngành kinh doanh cạnh tranh của một công ty; Các chiến lược cụ thể mà công ty thực hiện để cạnh tranh trong từng ngành kinh doanh; Đánh giá mức độ phản ánh của báo cáo tài chính của công ty đối với hiệu quả kinh tế của các quyết định và hành động chiến lược của công ty.

+CO3: Đánh giá khả năng sinh lời và rủi ro của công ty bằng cách sử dụng các tỷ số tài chính và các công cụ phân tích khác; Dự báo lợi nhuận và rủi ro trong tương lai của công ty, kết hợp với thông tin về những thay đổi dự kiến trong các ngành kinh doanh và chiến lược của công ty.

+CO4: Định giá trị doanh nghiệp thông qua phương pháp định giá khác nhau, đưa ra quyết định đầu tư bằng cách so sánh giá trị của các cổ phiếu với thị giá cổ phiếu quan sát được trên thị trường vốn.

❖ **Kỹ năng:**

+ CO6: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về phân tích các báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp

+ CO7: Xây dựng được các tiêu chí phân tích các báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp. Cụ thể hóa kiến thức phân tích và định giá vào một công ty cụ thể.

❖ **Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

+ CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về thực trạng tài chính và giá trị doanh nghiệp.

+ CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến phân tích và định giá doanh nghiệp

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO5(M), PLO7(M), PLO9(M).

14.10 Quản trị danh mục đầu tư

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về quản trị danh mục đầu tư, bao gồm xác định lợi nhuận và rủi ro danh mục, độ e ngại rủi ro & chiến lược phân phối vốn vào tài sản rủi ro, danh mục rủi ro tối ưu, mô hình chỉ số, mô hình định giá tài sản vốn, lý thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro, và giả thuyết thị trường hiệu quả. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu về tài chính hành vi và phân tích kỹ thuật cũng như cung cấp các bằng chứng thực nghiệm về lợi nhuận chứng khoán thông qua các mô hình chỉ số, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa yếu tố, mô hình Fama-French 3 yếu tố,... Các chủ đề về quản trị danh mục trái phiếu và cổ phiếu, đánh giá hiệu quả hoạt động danh mục, chiến lược quỹ phòng vệ và lý thuyết quản trị danh mục chủ động cũng được giới thiệu trong học phần này.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Hiểu được các kiến thức tổng quan về quản lý danh mục đầu tư như lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư; khái niệm độ e ngại rủi ro và chiến lược phân phối vốn vào tài sản rủi ro; xác định danh mục rủi ro tối ưu.

- Phân tích được mô hình chỉ số và mô hình định giá tài sản vốn; thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro; giả thuyết về thị trường hiệu quả; kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích báo cáo tài chính, định giá cổ phiếu; định giá trái phiếu.

- Vận dụng được các lý thuyết mô hình chỉ số và mô hình định giá tài sản vốn; thuyết định giá chênh lệch và mô hình đa yếu tố về lợi nhuận và rủi ro; thị trường hiệu quả để phân tích và định giá hiệu quả hoạt động danh mục đầu tư.

❖ Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, lựa chọn danh mục đầu tư để phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư từ góc tiếp cận của lý thuyết quản lý danh mục đầu tư.

- Có kỹ năng phân tích các nghiên cứu đã công bố có liên quan đến quản lý danh mục đầu tư và vận dụng ở Việt Nam cũng như các quốc gia khác.

- Đánh giá được các vấn đề về quản lý danh mục đầu tư với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(A), PLO8(A), PLO10(A).

14.11 Tài chính hành vi

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung: Trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tài chính hành vi như lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng, giả thuyết thị trường hiệu quả, các hiệu ứng tâm lý học, các lệch lạc hành vi của nhà đầu tư và nhà quản lý. Với các kiến thức được trang bị, học viên có thể hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi, phân tích tâm lý và lệch lạc hành vi của nhà đầu tư, nhà quản trị doanh nghiệp trong các tình huống thực tiễn, từ đó có thể tránh các lệch lạc hành vi do tâm lý tác động trong các quyết định đầu tư và quyết định quản trị. Học viên có thể vận dụng các lý thuyết và mô hình để giải thích, phân tích các quyết định của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường tiền thuật toán cũng như có thể phân tích các quyết định của nhà quản lý doanh nghiệp đối với chính sách chi trả cổ tức và quyết định tài trợ, hoạch định ngân sách vốn trên quan điểm của tài chính hành vi.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Hiểu được các kiến thức tổng quan về tài chính hành vi như khái niệm, tài chính xúc cảm, tâm lý học rủi ro và những ứng dụng của tài chính hành vi.

- Phân tích được thị trường hiệu quả và thị trường không hiệu quả

- Vận dụng được hiệu ứng tâm lý học, lý thuyết triển vọng, các lệch lạc hành vi, các mô hình dựa trên sở thích và niềm tin để giải thích hành vi ra quyết định của nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức và hành vi thực hiện quyết định tài trợ, hoạch định ngân sách vốn đầu tư, chính sách cổ tức, mua bán và sáp nhập của nhà quản lý doanh nghiệp.

❖ Về kỹ năng:

- Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, dự báo tài chính để phân tích và đưa ra các quyết định tài chính từ góc tiếp cận của tài chính hành vi.

- Có kỹ năng phân tích các nghiên cứu đã công bố có liên quan đến tài chính hành vi và vận dụng ở Việt Nam cũng như các quốc gia khác.

- Đánh giá được các vấn đề về tài chính hành vi với các chuyên gia hay nhóm nghiên cứu. Có những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học TCHV.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Cần trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn trong các nghiên cứu về TCHV.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.12 Mua bán và sáp nhập:

a) Mục tiêu của học phần:

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.13 Quản trị rủi ro tài chính

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung

Môn học này trang bị cho người học những hiểu biết về các rủi ro tài chính mà doanh nghiệp phải đối mặt trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Đồng thời cung cấp cho người học các phương pháp, chiến lược quản trị rủi ro đối với từng loại rủi ro tài chính khác nhau.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

+ Hiểu rõ và tổ chức được hoạt động quản trị rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

+ Phân tích, đánh giá hoạt động đầu tư cũng như xây dựng các chính sách quản trị rủi ro trong đầu tư cho doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu của chủ sở hữu.

+ Phân tích, đánh giá tình hình rủi ro do sự biến động giá ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu các thủ thuật quản trị rủi ro và vận dụng được các thủ thuật này để quản trị các rủi ro do sự biến động giá.

+ Nhận dạng, phân tích, xây dựng chính sách quản trị rủi ro tín dụng

+ Nhận dạng, phân tích và xây dựng chính sách quản trị rủi ro thanh khoản

+ Nhận dạng, phân tích, đánh giá những đổi mới về công nghệ trong giai đoạn hiện nay ảnh hưởng đến rủi ro tài chính của doanh nghiệp từ đó xây dựng được các giải pháp khắc phục các tác động không mong đợi.

❖ Về kỹ năng:

+ Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn

đề quản trị rủi ro tài chính.

+ Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các khía cạnh của quản trị rủi ro tài chính trong bối cảnh hội nhập và thay đổi công nghệ.

+ Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về QTRRTC với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học QTRRTC.

+ Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực QTRRTC; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

+ Nhận thức được trách nhiệm xã hội của các công ty một cách đúng đắn để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp và kinh tế bền vững

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.14 Chiến lược tài chính công ty

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung:

Học phần nhằm trang bị các kiến thức tổng quan về chiến lược tài chính công ty, các nguyên tắc hoạch định chiến lược, nhận diện các giai đoạn khác nhau trong chu kỳ sống của doanh nghiệp, rủi ro trong DN, ra quyết định đầu tư hiệu quả, huy động nguồn tài trợ bên trong và nguồn tài trợ bên ngoài khi hoạch định chiến lược tài chính cho doanh nghiệp, hiểu được cách thức hoạt động và vai trò của thị trường tài chính và các định chế tài chính trung gian, các quỹ đầu tư mạo hiểm, tác động của chính sách cổ tức đến cấu trúc vốn, phân tích và hoạch định chiến lược tài chính trong DN trưởng thành hay trong DN giai đoạn suy thoái, hiểu về các phương thức tái cấu trúc công ty có khả năng làm thay đổi cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc thay đổi quyền sở hữu và quyền kiểm soát.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

+ Nhận diện các giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp căn cứ vào mức độ minh bạch thông tin và mẫu hình dòng tiền.

+ Nhận diện được rủi ro kinh doanh gắn với quyết định đầu tư và rủi ro tài chính gắn với quyết định tài trợ.

+ Hiểu được tác động của đòn bẩy kinh doanh và đòn bẩy tài chính trong việc hoạch định chiến lược tài chính cho các công ty.

+ Phân tích được cách thức kết hợp quyết định đầu tư; quyết định tài trợ và quyết định phân phối để hoạch định chiến lược tài chính gắn với từng giai đoạn phát triển trong chu kỳ sống với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty.

+ Phân tích được các phương thức tái cấu trúc công ty có khả năng làm thay đổi cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc thay đổi quyền sở hữu và quyền kiểm soát.

❖ Về kỹ năng:

+ Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp của học viên đối với các giai đoạn trong chu kỳ sống của doanh nghiệp.

+ Phát triển kỹ năng xây dựng chiến lược tài chính của doanh nghiệp gắn với từng chu kỳ sống

+ Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về chiến lược tài chính với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.

+ Có kỹ năng đọc, phân tích các case study hoặc bài báo quốc tế có liên quan đến chiến lược tài chính công ty và vận dụng để đề xuất chiến lược

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để xây dựng chiến lược tài chính công ty nhằm mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty trong từng giai đoạn sống.

+ Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực chiến lược tài chính; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn cũng như các đề xuất;

+ Nhận thức được vai trò của chiến lược tài chính công ty trong chu kỳ sống của doanh nghiệp để có trách nhiệm với chiến lược tài chính đã xây dựng.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.15 Ngân hàng đầu tư

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung

+ Sau khi học xong học phần này người học sẽ mô tả, giải thích, so sánh được các nghiệp vụ trong ngân hàng đầu tư. Đồng thời người học còn có thể xác định được khung pháp lý và đạo đức trong hoạt động của ngân hàng đầu tư.

Mục tiêu cụ thể

❖ ***Kiến thức :***

+ Mô tả và giải thích được tổ chức hoạt động và các sản phẩm của ngân hàng đầu tư.

+ Mô tả và phân biệt được các nghiệp vụ truyền thống và hiện đại của ngân hàng đầu tư.

- + Giải thích được việc quản lý hoạt động và rủi ro trong ngân hàng đầu tư
- + Xác định được khung pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động ngành ngân hàng đầu tư.

❖ **Kỹ năng :**

- + Thực hiện được các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư.
- + Ra quyết định cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- + Xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh trong hoạt động đầu tư.

❖ **Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

- + Có khả năng làm chủ được bản thân trong cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- + Phải chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong hoạt động ngân hàng đầu tư.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.16 Blockchain & Cryptofinance

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung

Học phần này nhằm cung cấp tổng quan các kiến thức, kỹ năng, và tính tự chủ về chủ đề tiền điện tử và blockchain có liên quan đến lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, bao gồm các nội dung như cơ chế vận hành, ứng dụng, rủi ro và các qui định có liên quan.

Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức: Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có khả năng
 - + Hiểu được cách thức các nguyên tắc Tài chính Ngân hàng tác động đến việc thiết kế và vận hành của các loại tiền điện tử
 - + Hiểu được cơ chế vận hành của tiền điện tử và đợt phát hành lần đầu (ICO - Initial Coin Offering)
 - + Hiểu được tác động tiềm năng mà blockchain có thể áp đặt lên các khía cạnh khác nhau của quản trị doanh nghiệp
 - + Hiểu được các khuôn khổ quy định và cách chúng tương tác với ngành công nghiệp blockchain
- ❖ Về kỹ năng: Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có khả năng
 - + Sử dụng được các công cụ hiện đại để phát triển các chiến lược fintech liên quan đến blockchain
 - + Có khả năng hợp tác với các cơ quan quản lý và những người hành nghề fintech liên quan đến việc sử dụng blockchain

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có khả năng

- + Áp dụng được các kiến thức và kỹ năng có liên quan để đánh giá các mô hình kinh doanh của các dự án blockchain khác nhau

- + Nhận ra lợi thế và rủi ro tiềm ẩn của các công nghệ gây quỹ dựa trên nền tảng blockchain khác nhau.

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.17 Tài chính khởi nghiệp:

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần này, học viên có thể:

- + Hiểu sự khác nhau giữa Tài chính khởi nghiệp và Tài chính công ty cổ phần.
- + Biết được mục tiêu tối đa hóa giá trị của người khởi nghiệp là trọng tâm để nghiên cứu tài chính khởi nghiệp.
- + Có khả năng mô tả quá trình hình thành dự án mới từ lúc có ý tưởng cho đến khi dự án đi vào vận hành.
- + Nhận biết việc nghiên cứu tài chính khởi nghiệp sẽ dẫn đến việc thực hiện đầu tư và quyết định tài chính tốt hơn, nâng cao khả năng thiết lập dự án thành công.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

Sau khi học xong học phần này học viên sẽ được trang bị những kiến thức:

- + Hiểu và phân loại các mô hình tài chính khởi nghiệp
- + Hiểu và lập kế hoạch kinh doanh.
- + Hiểu và nhận diện được vai trò của tài chính trong những doanh nghiệp khởi nghiệp.
- + Hiểu được các mô hình khởi nghiệp, như: doanh nghiệp khởi nghiệp mới hoàn toàn, doanh nghiệp hiện có phát triển thêm quy mô và chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.
- + Hiểu và vận dụng được các kiến thức tài chính trong từng mô hình khởi nghiệp khác nhau: từ chiến lược, tổ chức lại, xây dựng hệ thống quản lý bài bản, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, quản lý tài chính, rủi ro...
- + Có khả năng phân tích các sự việc, hiện tượng, tình huống thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính khởi nghiệp
- + Có khả năng tổng hợp, đánh giá các lý thuyết, các sự việc hiện tượng, tình huống thực tiễn đến lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.

Kỹ năng:

- + Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về tài chính khởi nghiệp để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính trong các doanh nghiệp khởi nghiệp.
- + Có kỹ năng trong việc truyền đạt tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính khởi nghiệp; có kỹ năng thảo luận các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính trong các doanh nghiệp khởi nghiệp.
- + Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến liên quan trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- + Có kỹ năng phân tích các nghiên cứu đã công bố có liên quan đến tài chính khởi nghiệp và vận dụng ở Việt Nam cũng như các quốc gia khác.
- + Có kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm.

Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- + Năng lực nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu, phân tích số liệu nghiên cứu, đưa ra những giải pháp quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- + Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- + Năng lực dẫn dắt chuyên môn, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- + Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính khởi nghiệp.
- + Phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.18 Quản trị và giám sát khu vực công

a) Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

- + CO1: Hiểu được những yếu tố tác động đến chiến lược quản trị công, ở mức cụ thể như là một tổ chức thuộc khu vực công hoặc ở mức tổng quát, trên bình diện xã hội. Hiểu và đo lường được tiêu chí “chất lượng” trong hoạt động của tổ chức thuộc khu vực công, cũng như các yếu tố cấu thành tiêu chí ấy.
- + CO2: Nắm được các yếu tố đầu vào (inputs) cần thiết trong việc vận hành một cơ chế quản trị công như yếu tố tài chính và yếu tố con người. Nắm bắt được các xu thế cải cách trong quản trị công từ đó điều chỉnh hành vi cho phù hợp với vị trí công tác.
- + CO3: Có kiến thức về lãnh đạo khu vực công, biết cách cụ thể hóa kiến thức được trang bị vào thực tiễn. Nắm bắt được tính chính trị của chính sách công, từ đó có

thể góp phần xây dựng chính sách phù hợp, được sự đồng thuận của xã hội

- Kỹ năng:

+ CO5: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về quản trị và giám sát khu vực công

+ CO6: Xây dựng được các tiêu chí đánh giá hoạt động của khu vực công trên góc độ quản trị và giám sát. Cụ thể hóa kiến thức quản trị và giám sát khu vực công vào thực tiễn công tác.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO7: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về quản trị công

+ CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến quản trị công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.19 Tài chính công nâng cao

a) Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

+ CO1: Hiểu được bản chất của tài chính công theo cách tiếp cận hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế nhưng vẫn đảm bảo yếu tố đặc thù của Việt Nam. Những quan điểm khác nhau về hệ thống và lý thuyết tài chính công.

+ CO2: Nắm được quy mô và tính chất của tài chính công từ góc độ cụ thể (hành vi) đến góc độ tổng thể (vĩ mô).

+ CO3: Tiếp cận được với những vấn đề đương đại trong lĩnh vực tài chính công như chính sách tài khóa, vay nợ của khu vực công, các chính sách về an sinh xã hội,...

- Kỹ năng:

+ CO4: Nâng cao được kỹ năng phân tích chính sách tài chính và đánh giá được tác động của chính sách tài chính đến những vấn đề cơ bản của nền kinh tế như hiệu quả - công bằng và ổn định.

+ CO5: Có đủ kỹ năng và công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách của ngành tài chính.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+CO6: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực tài chính công

+CO7: có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.20 Thẩm định đầu tư công:

a) Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

+ CO1: Nắm vững kiến thức về đầu tư công, đặc biệt là những khoản đầu tư liên quan đến dự án xây dựng cơ bản từ nguồn vốn NSNN.

+ CO2: Nắm vững các nguyên lý tiếp cận, phương pháp thẩm định và đánh giá một dự án công trên những quan điểm khác nhau.

+ CO3: Phân tích và đề xuất các phương pháp phù hợp để đánh giá các dự án công trong thực tiễn triển khai dự án đầu tư công.

- Kỹ năng:

+ CO4: Nhận diện được lợi ích và chi phí của dự án trên quan điểm kinh tế

+ CO5: Sử dụng thành thạo các công cụ và kỹ năng phân tích dự án để đánh giá dự án, đặc biệt là đánh giá trên quan điểm kinh tế - xã hội.

+ CO6: Đánh giá được hiệu quả của dự án đối với nền kinh tế, từ đó có thể mở rộng kiến thức nhằm đánh giá những chương trình chi tiêu của chính phủ.

+ CO7: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng tổng hợp để đánh giá kinh tế một dự án công liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản trong một lĩnh vực cụ thể như các dự án cơ sở hạ tầng của nền kinh tế ...

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO8: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực đầu tư công.

+ CO9: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến đầu tư công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.21 Quản lý chi tiêu công:

a) Mục tiêu của học phần :

- Kiến thức:

+ CO1: Nắm bắt được phạm vi, tính chất của chi tiêu công trên cơ sở phân tích vai trò của chính phủ trong nền kinh tế đương đại.

+ CO2: Có kiến thức về những khía cạnh cần thiết để tham gia giám sát ngân sách theo khuôn khổ chức năng và những quy định của pháp luật. Nắm bắt được kiến thức và quy trình quản trị được dòng tiền dành cho chi tiêu công theo xu hướng hiện đại hóa

+ CO3: Hoạch định và xây dựng được các kế hoạch ngân sách (3-5 năm) và khuôn

khô chi tiêu công trung hạn; phù hợp với hướng cải cách ngân sách của Việt Nam

- Kỹ năng:

+ CO4: Có đủ kiến thức và kỹ năng, công cụ để có thể tham gia vào quá trình hoạch định chính sách chi tiêu của quốc gia và địa phương

+ CO5: Có đủ kiến thức và kỹ năng trong việc hoạch định ngân sách, quản lý ngân sách đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn minh bạch – trách nhiệm và hiệu quả.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO6: Có khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực chi tiêu công, có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này.

+ CO7: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chi tiêu công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.22 Tài chính công: Nghiên cứu điển hình

a) Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung

Học phần giúp người học vận dụng các lý thuyết về tài chính công vào các phân tích thực nghiệm (empirical analysis). Chúng tôi tập trung vào các nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực tài chính công. Học phần giới thiệu các phương pháp thống kê và thiết kế nghiên cứu quan trọng được sử dụng hiện nay trong lĩnh vực tài chính công: Thí nghiệm (experiments), hồi quy đối với dữ liệu bảng (panel methods), sự khác biệt trong những khác biệt (difference-in-differences), giả lập nhóm kiểm soát (synthetic control methods), ước lượng bằng biến công cụ (instrumental variable estimation), hồi quy không liên tục (regression discontinuity designs), hồi quy phân vị (quantile regressions)... Các hướng nghiên cứu đối với tài chính công và chính sách công bao gồm: Thị trường lao động, thu – chi ngân sách, lương tối thiểu, phúc lợi xã hội, vốn nhân lực, giáo dục, bất bình đẳng.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức: Củng cố cho người học khối kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính công, vai trò của chính phủ đối với nền kinh tế xã hội, bản chất sự can thiệp của chính phủ đối với các vấn đề liên quan đến thị trường lao động, phúc lợi xã hội, hệ thống tiền lương, giảm nghèo, nâng cao vốn nhân lực, đầu tư cho giáo dục, y tế, xóa bỏ bất bình đẳng; mục tiêu và tầm quan trọng của việc quản lý ngân sách nhà nước, các vấn đề liên quan đến thâm hụt ngân sách và nợ công.

❖ Về kỹ năng: Giúp người học vận dụng được các lý thuyết nền trong lĩnh vực tài chính công, tìm hiểu được các lý thuyết từ nghiên cứu thực nghiệm. Người học định hướng (navigate) được nghiên cứu của bản thân đang nằm ở đâu trong cơ sở lý thuyết đã có, từ đó xây dựng được câu hỏi nghiên cứu. Trang bị kỹ năng thu thập và phân tích

dữ liệu, có khả năng thiết kế nghiên cứu và trình bày một bài nghiên cứu thực nghiệm về một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính công.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Giúp người học xây dựng đạo đức khoa học và có tính khách quan trong việc thực hiện nghiên cứu và đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính công và kinh tế xã hội.

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.23 Phân tích chính sách thuế:

a) **Mục tiêu của học phần:**

- **Kiến thức:**

+ CO1: Nắm vững và phân tích được các lý thuyết thuế và mô hình thuế hiệu quả của thuế trực thu và gián thu

+ CO2: Hiểu và phân tích được chính sách thuế từ góc độ chính sách và tác dụng của Thuế trong thực tiễn

+ CO3: Phân tích và đề xuất các chiến lược về tác động của thuế trên những lĩnh vực khác nhau trong đời sống thực tế của nền kinh tế - xã hội.

- **Kỹ năng:**

+ CO4: Có khả năng so sánh và đánh giá chính sách thuế với thực tiễn vận hành chính sách thuế của Việt Nam

+ CO5: Hiểu được bản chất của việc ban hành một chính sách thuế và những thách thức xuất phát từ thực tiễn

+ CO6: Xác định được định hướng nghiên cứu chính sách thuế ở những góc độ khác nhau cho luận văn tốt nghiệp về sau.

- **Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

+ CO7: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về chính sách thuế

+ CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chính sách thuế.

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.24 Phân tích chính sách công nâng cao

a) **Mục tiêu của học phần:**

- **Kiến thức:**

+ CO1: Hiểu những khái niệm về chính sách công và vận dụng những khái niệm này vào công tác thực tiễn. Những quan điểm và lý thuyết về chính sách công.

+ CO2: Nắm bắt và phân tích được những kỹ năng cần thiết trong hoạch định và thực thi một chính sách công

+ CO3: Nắm vững kiến thức để phân tích và thực thi một chính sách công trong

thực tiễn.

- Kỹ năng:

+ CO4: Vận dụng kiến thức có được để xây dựng một chính sách công trong phạm vi công tác của mình

+ CO5: : Lựa chọn được phương pháp phân tích chính sách cụ thể trên cơ sở mục tiêu định trước và những yếu tố tác động đến chính sách và những yếu tố bị tác động bởi chính sách.

+ CO6: Thiết kế được một quy trình để phân tích một chính sách cụ thể.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO7: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về chính sách công

+ CO8: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân, Có khả năng dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến chính sách công.

b) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.25 Quản lý tài chính các đơn vị công:

a) Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức:

+ CO1: Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về tài chính tại một đơn vị công: nội dung tài chính, vai trò, đặc điểm, dự toán và quyết toán tài chính.

+ CO2: Vận dụng được mục lục NSNN để phục vụ công tác quản lý tài chính, xây dựng dự toán chi thường xuyên, lập dự toán quỹ tiền lương và các khoản nộp theo lương, ...

+ CO3: Phân tích và đánh giá quy trình quản lý tài sản bắt đầu từ khi hình thành cho đến khi kết thúc việc sử dụng tài sản

- Kỹ năng:

+ CO4: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề về quản lý tài chính đối với đơn vị công. Biết cách lập dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ.

+ CO5: Có thể xây dựng được cơ chế quản lý tài sản công trong đơn vị công, đọc hiểu cơ chế quản lý tài chính ở đơn vị công cụ thể, đọc hiểu các văn bản pháp luật có liên quan nhau.

- Mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

+ CO6: Có thể vận dụng những kiến thức và kỹ năng đạt được trong học phần này đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về quản lý tài chính đối với đơn vị công

+ CO7: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực của cá nhân; Có khả năng

dẫn dắt chuyên môn trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính đối với đơn vị công.

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.26 Kiểm toán công:

a) **Mục tiêu của học phần**

b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO3(A), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(M).

14.27 Luận văn tốt nghiệp

a) **Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu chung

Khi thực hiện luận văn, học viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Học viên vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và phân tích được các kiến thức chuyên sâu và đưa ra được các nhận định, khuyến nghị hay giải pháp đối với lĩnh vực nghiên cứu.

Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Am hiểu tổng quan về các kiến thức tài chính ngân hàng. Đánh giá được các thông tin, kiến thức một cách có tư duy, logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các vấn đề tài chính ngân hàng để phát hiện các vấn đề mới, các ý tưởng liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong thực tiễn và nghiên cứu.

- Vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để đưa ra được các nhận định, khuyến nghị hay giải pháp đối với lĩnh vực nghiên cứu. Có khả năng hoạch định các chính sách, chiến lược trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Có khả năng truyền đạt tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

❖ Về kỹ năng:

- Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Có khả năng phản biện và đưa ra ý tưởng mới đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Phát triển kỹ năng dự báo phục vụ cho xử lý tình huống và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ứng dụng được các lý thuyết tài chính, ngân hàng chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tiễn và nghiên cứu của chuyên ngành.

- Phát triển kỹ năng nghiên cứu, đam mê công việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

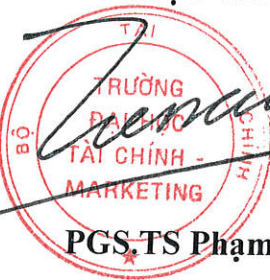
❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Giải quyết các tình huống thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

- Chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân khi thực hiện công việc. Có khả năng tự học hỏi, tự nghiên cứu, tự định hướng, tự thích nghi và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

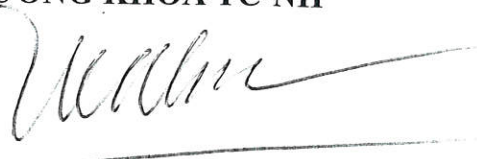
b) **Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(M), PLO5(M), PLO6(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(10) PLO10(M).

HIỆU TRƯỞNG ✓



PGS.TS Phạm Tiến Đạt

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA TC-NH**



PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Linh